

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của ngành Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 4063/QĐ-BKHHCN ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang tại Tờ trình số 134/TTr-SKHHCN ngày 09 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành; 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của ngành Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công quốc gia;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

Phần I.

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang)

1. Danh mục TTHC mới ban hành

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>
A	TTHC CẤP TỈNH					
I	Lĩnh vực: Hoạt động khoa học và công nghệ					
1	1.014525	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo cho tổ chức đề xuất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ theo Thông báo; - Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp Hội đồng, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất; - Trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm nhận 	<ul style="list-style-type: none"> * Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm tiếp nhận số 1 (Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang). + Điểm tiếp nhận số 2 (Số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang). * Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; - Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN ngày 26/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự,

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			<p>được thông báo, tổ chức đề xuất xem xét tiếp thu ý kiến đóng góp của hội đồng, bổ sung dự toán kinh phí chi tiết thực hiện nhiệm vụ và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ;</p> <p>- Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định kinh phí, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất.</p> <p>- Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận thông báo, tổ chức đề xuất có trách nhiệm hoàn thiện dự toán kinh phí và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ.</p> <p>- Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì tối đa là</p>	(http://dichvucong.gov.vn)		<p>thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4063/QĐ-BKHCN ngày 08/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			110 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ.			
2	1.014526	Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ: Tối đa 15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ). - Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai: Tối đa 75 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). 	<ul style="list-style-type: none"> * Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm tiếp nhận số 1 (Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang). + Điểm tiếp nhận số 2 (Số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang). * Gửi Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn) 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; - Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN ngày 26/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4063/QĐ-BKHCN ngày 08/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Danh mục TTHC bị bãi bỏ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý cho việc bãi bỏ TTHC
A	TTHC CẤP TỈNH		
I	Lĩnh vực: Hoạt động khoa học và công nghệ		
1	2.000079	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học,
2	2.002144	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý cho việc bãi bỏ TTHC
		hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; - Quyết định số 4063/QĐ-BKHCN ngày 08/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.
3	1.006427	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	

Phần II.
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC

I. TTHC CẤP TỈNH

1. TTHC áp dụng quy trình 110 ngày

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.014525	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

*** Nội dung quy trình:**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	CCVC trực Bộ phận Một cửa	01 ngày	
Bước 2	Giao cán bộ thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến (nếu cần)	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ và Chuyên ngành	01 ngày	
Bước 3	Lấy ý kiến các ngành, đơn vị liên quan; tuyển chọn doanh mục; thẩm định kinh phí		32 ngày	Các ngành liên quan
Bước 4	Tiến hành các bước thẩm định tài chính; Tham mưu văn bản trả lời (nếu hồ sơ không đảm bảo theo quy định)	CCVC phòng Quản lý CN&CNg	64 ngày	
Bước 5	Trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng Quản lý CN&CNg	02 ngày	
Bước 6	Lãnh đạo Sở ký, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	02 ngày	
Bước 7	UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Sở KH&CN	UBND tỉnh	07 ngày	Đối với thủ tục liên thông UBND tỉnh
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCVC trực Bộ phận Một cửa	01 ngày	

2. TTHC áp dụng quy trình 15 ngày hoặc 75 ngày

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.014526	Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

* Nội dung quy trình:

2.1. Trường hợp điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ: 15 ngày

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	CCVC trực Bộ phận Một cửa	0,5 ngày	
Bước 2	Giao cán bộ thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến (nếu cần)	Lãnh đạo phòng Quản lý CN&CNg	01 ngày	
Bước 3	Tiến hành các bước thẩm định, thành lập hội đồng (nếu cần)/Tham mưu văn bản trả lời (nếu hồ sơ không đảm bảo theo quy định)	CCVC phòng Quản lý CN&CNg	05 ngày	
Bước 4	Trình lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả	Lãnh đạo phòng Quản lý CN&CNg	0,5 ngày	
Bước 5	Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở	01 ngày	
Bước 6	Lãnh đạo Sở ký, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày	
Bước 7	UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Sở KH&CN	UBND tỉnh	05 ngày	
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCVC trực Bộ phận Một cửa	01 ngày	

2.2. Trường hợp chấm dứt thực hiện nhiệm vụ: 75 ngày

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	CCVC trực Bộ phận Một cửa	01 ngày	
Bước 2	Giao cán bộ thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến (nếu cần)	Lãnh đạo phòng Quản lý CN&CNg	01 ngày	
Bước 3	Tiến hành các bước thẩm định, thành lập hội đồng, tổ chức đánh giá kết quả theo quy định	CCVC phòng Quản lý CN&CNg	27 ngày	Các bộ, ngành liên quan
Bước 4	Tiến hành các họp hội đồng (nếu hồ sơ đầy đủ)./ Tham mưu văn bản trả lời (nếu hồ sơ không đảm bảo theo quy định).	CCVC phòng Quản lý CN&CNg	35 ngày	Các bộ, ngành liên quan
Bước 5	Trình lãnh đạo Phòng Quản lý CN&CNg	Lãnh đạo phòng Quản lý CN&CNg	01 ngày	
Bước 6	Lãnh đạo Sở ký, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	02 ngày	
Bước 7	UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Sở KH&CN	UBND tỉnh	07 ngày	Đối với thủ tục liên thông UBND tỉnh
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCVC trực Bộ phận Một cửa	01 ngày	